# TOÁN – LỚP 4A2

**CHỦ ĐỀ 7: ÔN TẬP HỌC KÌ I.**

**BÀI 34: ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ - TIẾT 1**

**Ngày thực hiện: Thứ sáu ngày 27/12/2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Thực hiện được phép cộng, trừ trong phạm vi lớp nghìn.
2. Tính nhẩm được các phép cộng, trừ liên quan đến số tròn nghìn, tròn chục nghìn, tròn trăm nghìn
3. Tính được giá trị của biểu thức liên quan tới phép cộng, trừ có và không có dấu ngoặc.
4. Tìm được số lớn nhất, số bé nhất trong nhóm 4 số.
5. Giải được các bài toán liên quan đến phép cộng, phép trừ.
6. Phát triển được năng lực tư duy toán học.
7. Vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống. Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
8. Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.
9. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.
10. Năng lực tư duy và lập luận Toán học: suy luận để tìm ra cách giải bài.
11. Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.
12. Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
13. Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
14. Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1. Khởi động:**- YCCĐ: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.+ Câu 1: Nêu kết quả của phép tính: 468 + 379.+ Câu 2: > ; < ; = ?1. 2 975 + 4 017…4 017 + 2 975
2. 3 864 + 2 900 … 2 900 + 3 799
3. 8 264 + 927 …. 927 + 8 300

- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi+ Trả lời: - HS tính, nếu kết quả: 468 + 379 = 847-3 HS lần lượt lên so sánh và điền dấu thích hợp.Đáp án:1. 2 975 + 4 017 = 4 017 + 2 975
2. 3 864 + 2 900 > 2 900 + 3 799

 c) 8 264 + 927 < 927 + 8 300- HS lắng nghe. |
| **2. Thực hành - Luyện tập:**- YCCĐ: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14.- Cách tiến hành: |
| **Bài 1**. (Làm việc nhóm đôi - miệng ) Tính nhẩm:1. 70 000 + 60 000

160 000 – 90 000500 000 + 700 0001. 90 000 + 50 000 – 80 000

150 000 – 70 000 + 40 000800 000 + 700 000 – 900 000- GV gọi HS nối tiếp nhẩm. -YC HS nhận xét.- GV nhận xét, tuyên dương.**Bài 2**: (Làm việc cá nhân - vở)Đặt tính rồi tính9 658 + 6 290 56 204 + 74 53914 709 - 5 234 159 570 – 811 625- GV yêu cầu HS làm bài, nêu cách thực hiện các phép tính- GV Nhận xét, tuyên dương.**Bài 3:** (Làm việc nhóm 4 - phiếu)Biểu thức nào dưới đây có giá trị lớn nhất, biểu thức nào có giá trị bé nhất?1. 90 000 + 30 000 + 5 473
2. 387 568 – ( 200 000 - 40 000)
3. 456 250 + 200 000 - 500 000
4. 210 000 – 90 000 + 4 975

- GV yêu cầu HS thực hiện tính giá trị của các biểu thức rồi so sánh giá trị các biểu thức tìm ra biểu thức có giá trị lớn nhất, bé nhất.- GV mời HS nêu kết quả.- Mời HS khác nhận xét- GV nhận xét chung, tuyên dương.**Bài 4:** (Làm bài nhóm đôi -vở) Bố mua cho Nam một bộ quần áo đồng phục, đôi giày và đôi tất hết tất cả 314 000 đồng. Trong đó, tổng số tiền của bộ quần áo đồng phục và đôi giày là 306 000 đồng. Tính giá tiền của mỗi loại, biết rằng giá tiền của đôi giày nhiều hơn giá tiền của đôi tất là 107 000 đồng. + Bài toán cho biết gì?+ Bài toán yêu cầu tính gì?- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi tìm cách giải bài.+ Trước tiên chúng ta cần tìm gì? Vì sao?+ Muốn tìm giá tiền của đôi tất ta làm phép tính gì?+ Sau đó ta đi tìm giá tiền của cái gì? Dựa vào đâu em biết?- GV yêu cầu học sinh làm bài vào vở.-YC HS khác nhận xét bài làm của bạn.- GV nhận xét, tuyên dương. | - HS nêu yêu cầu của bài.- HS thực hiện tính nhẩm- Nhận xét bài của bạn.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.- HS đọc yêu cầu bài tập.- HS làm bài cá nhân vào vở.- 4 HS lên bảng làm bài, nêu cách thực hiện phép tính của mình.- HS khác nhận xét.- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.- HS nêu, xác định yêu cầu của bài tập.- HS làm bài nhóm 4, tính giá trị của các biểu thức rồi so sánh tìm ra biểu thức có giá trị lớn nhất, bé nhất.- HS nêu đáp án đúng:+ Biểu thức B có giá trị lớn nhất.+ Biểu thức D có giá trị bé nhất.- HS khác nhận xét.- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.- HS đọc đề bài, tìm hiểu đề.+Bài toán cho biết: Bố mua cho Nam một bộ quần áo đồng phục, đôi giày và đôi tất hết tất cả 314 000 đồng. Trong đó, tổng số tiền của bộ quần áo đồng phục và đôi giày là 306 000 đồng, giá tiền của đôi giày nhiều hơn giá tiền của đôi tất là 107 000 đồng. + Bài toán yêu cầu: Tính giá tiền của mỗi loại.- HS thảo luận nhóm đôi, tìm cách giải bài.+ Trước tiên, cần tìm giá tiền của đôi tất, vì ta biết tổng số tiền của ba món đồ và số tiền của bộ quần áo và đôi giày.+ Muốn tìm giá tiền của đôi tất ta làm phép tính trừ, lấy tổng số tiền phải trả trừ đi số tiền mua bộ quần áo và đôi giày.+ Sau đó ta đi tìm giá tiền của đôi giày, vì ta biết đôi giày có giá hơn đôi tất là 107 000 đồng; cuối cùng tìm giá tiền của bộ quần áo đồng phục.Bài giảiGiá tiền một đôi tất là:314 000 – 306 000 = 8 000( đồng)Giá tiền một đôi giày là:107 000 + 8 000 = 115 000( đồng)Giá tiền bộ quần áo đồng phục là:306 000 -115 000 = 191 000 ( đồng)Đáp số: Bộ quần áo: 191 000 đồngĐôi giày: 115 000 đồngĐôi tất: 8 000 đồng- HS khác nhận xét.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.**- YCCĐ: 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi “ Ai nhanh, ai đúng”Tính nhẩm: 48 600 + 125 400 – 74 00080 000 + ( 120 000 – 70 000) 65 102 – 13 859 Ai đúng sẽ được tuyên dương.- Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- HS xung phong tham gia chơi. - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |